PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 30/9/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/9/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	*2*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*Cột ấn*	*Cột ấn*	*Cột ấn*	*Cột ấn*	*Cột ấn*	*Cột ấn*	*24*
	TỔNG CỘNG	**232.655**	**143.365**	**-**	**-**	**89.290**	**146.353**	**70.063**	**0**	**0**	**76.291**	**62,9**	
A	**VỐN TỈNH QUẢN LÝ**	**950**	**950**	**-**	**-**	**-**	**950**	**950**	**0**	**0**	**0**	**100,0**	
	Dự án tất toán, thanh toán khối lượng												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nốt, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	**VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU**	**142.415**	**142.415**	**-**	**-**		**69.113**	**69.113**	**0**	**0**		**48,5**	
I	**Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới**	**49.230**	**49.230**	**0**	**0**	**15.000**	**17.664**	**17.664**	**0**	**0**	**15.000**	**35,9**	
*	*Giao thông*												
1	Láng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	790	790			450	790	790			450	100,0	
2	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	725	725			320	725	725			320	100,0	
3	Láng nhựa đương trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	460	460			450	460	460			450	100,0	
4	Láng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	245	245			220	245	245			220	100,0	
5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đương nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	260	260			310	260	260			310	100,0	
6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	255	255			230	255	255			230	100,0	
7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	735	735			900	714	714			900	97,1	
8	Láng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	835	835			380	835	835			380	100,0	
9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đương số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	300	300			295	300	300			295	100,0	
10	Láng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	470	470			450	470	470			450	100,0	
11	Láng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	535	535			490	535	535			490	100,0	
12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	175	175			170	175	175			170	100,0	
13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	355	355			330	355	355			330	100,0	
14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140	140			140	140	140			140	100,0	
15	Láng nhựa đường trục ấp đường cặp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	565	565			500	565	565			500	100,0	
16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	290	290			270	290	290			270	100,0	
17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	300	300			270	300	300			270	100,0	
18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	135	135			130	135	135			130	100,0	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	120	120			110	120	120			110	100,0	
20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	90	90			80	90	90			80	100,0	
21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà trọ Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	310	310			270	310	310			270	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/9/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	*2*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*24*
22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	380	380			340	380	380			340	100,0	
23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	455	455			300	455	455			300	100,0	
24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	510	510			630	510	510			630	100,0	
25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thìa) ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	310	310			290	260	260			290	84,0	
26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	225	225			220	225	225			220	100,0	
27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông xã Phước Thạnh	255	255			220	255	255			220	100,0	
28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	135	135			125	135	135			125	100,0	
29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Rành)	135	135			145	135	135			145	100,0	
30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	390	390			360	390	390			360	100,0	
31	Láng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	170	170			165	170	170			165	100,0	
32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	300	300			290	300	300			290	100,0	
33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	275	275			240	275	275			240	100,0	
34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	280	280			250	280	280			250	100,0	
35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đôi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	300	300			260	300	300			260	100,0	
36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	0				335	0	0			335		
37	Láng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	0				650	0	0			650		
38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	0				320	0	0			320		
39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đồn	0				410	0	0			410		
40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đồn	0				570	0	0			570		
41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	250	250			250	250	250			250	100,0	
42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	435	435			410	435	435			410	100,0	
	NTM chưa phân khai chi tiết	***28.275***	***28.275***										
43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	700	700			600	700	700			600	100,0	
44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	0				640	0	0			640		
45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cầm An-Láng Cát ấp Cầm An, xã Cầm Giang	510	510			215	510	510			215	100,0	
46	BTXM đường liên tổ 11-12-9 (hộ Nguyễn Văn Lắc đến hộ bà Phạm Thị Đén) ấp Cầm Thắng, xã Cầm Giang	450	450				433	433				96,2	
47	BTXM đường liên tổ 15-16-17 (hộ Trần Văn Nhã đến hộ ông Nguyễn Văn Thông) ấp Cầm Thắng, xã Cầm Giang	400	400				400	400				100,0	
48	BTXM đường liên tổ 11-13 (hộ Lê Thị Nhờ đến hộ ông Nguyễn Hoàn Tuấn) ấp Cầm Thắng, xã Cầm Giang	350	350				340	340				97,0	
49	BTXM đường liên tổ 14-15 (hộ Phạm Văn Bạch đến hộ ông Nguyễn Văn Thanh) ấp Cầm Thắng, xã Cầm Giang	300	300				144	144				48,0	
50	Láng nhựa đường trục ấp đường số 5 ấp Xóm Bố, xã Hiệp Thạnh	1.500	1.500				603	603				40,2	
51	BTXM đường trục ấp đường số 4 ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	1.000	1.000				438	438				43,8	
52	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 3, tổ 4 ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	850	850				349	349				41,0	
53	BTXM đường trục ấp đường đối diện VP ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	450	450				235	235				52,2	
54	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 4 (2 nhánh) ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	250	250				121	121				48,3	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/9/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	*2*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*24*
55	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 02 ấp Cầu Sắt xã Thạnh Đức	300	300				145	145				48,3	
56	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 03 Đồng lúa gieo ấp Rộc B xã Thạnh Đức	1.000	1.000				423	423				42,3	
II	**Chỉnh trang đô thị**	**60.000**	**60.000**	**0**	**0**	**0**	**35.429**	**35.429**	**0**	**0**	**0**	**59,0**	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				29.620	29.620				98,7	
	Dự án chuyển tiếp												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				5.810	5.810				19,4	
III	**Hỗ trợ khác**	**16.700**	**16.700**	**0**	**0**	**0**	**9.543**	**9.543**	**0**	**0**	**0**	**57,1**	
	Dự án chuyển tiếp												
1	Trường Trung học cơ sở Thạnh Đức	10.000	10.000				2.843	2.843				28,4	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				6.700	6.700				100,0	
IV	**Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn 2021-2025**	**6.485**	**6.485**	**0**	**0**	**0**	**6.476**	**6.476**	**0**	**0**	**0**	**99,9**	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đồn	1.835	1.835				1.826	1.826				99,5	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
V	**Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025**	**10.000**	**10.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,0**	
1	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thạnh Bình	950	950				0	0				0,0	
2	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn	950	950				0	0				0,0	
3	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Lê Lợi	475	475				0	0				0,0	
4	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Long	475	475				0	0				0,0	
5	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm An	475	475				0	0				0,0	
6	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Thắng	475	475				0	0				0,0	
7	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rộng (điểm chính)	475	475				0	0				0,0	
8	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp Rộc	475	475				0	0				0,0	
9	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bố (điểm chính)	475	475				0	0				0,0	
10	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bố (điểm Tầm Lanh)	475	475				0	0				0,0	
11	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cây Da	475	475				0	0				0,0	
12	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường trung học cơ sở Hiệp Thạnh	475	475				0	0				0,0	
13	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Mới	475	475				0	0				0,0	
14	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hội	475	475				0	0				0,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/9/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	*2*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*24*
15	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn (điểm ấp 3)	475	475				0	0				0,0	
16	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đồn	475	475				0	0				0,0	
17	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 6 Bàu Đồn	475	475				0	0				0,0	
18	Nhà đa năng Trường Trung học cơ sở Bàu Đồn	975	975				0	0				0,0	
C	**VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN**	**89.290**	**-**	**-**	**-**	**89.290**	**76.291**	**0**	**0**	**0**	**76.291**	**85,4**	
I	**Nguồn cân đối ngân sách**	**12.190**	**0**	**0**	**0**	**12.190**	**8.765**	**0**	**0**	**0**	**8.765**	**71,9**	
a	**Ngân sách cấp huyện**	**11.190**	**0**	**0**	**0**	**11.190**	**8.765**	**0**	**0**	**0**	**8.765**	**78,3**	
1	**Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học**	**3.000**	**0**	**0**	**0**	**3.000**	**2.712**	**0**	**0**	**0**	**2.712**	**90,4**	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đá Hàng	1.500				1.500	1.275				1.275	85,0	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bàu Đồn	800				800	800				800	100,0	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	200				200	137				137	68,4	
1.4	Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh	500				500	500				500	100,0	
2	**Chuẩn bị đầu tư**	**600**	**0**	**0**	**0**	**600**	**450**	**0**	**0**	**0**	**450**	**75,0**	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	150				150	150				150	100,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cầm An-Láng Cát ấp Cầm An, xã Cẩm Giang	150				150	150				150	100,0	
2.3	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đồn)	150				150	150				150	100,0	
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đồn)	150				150	0				0	0,0	
3	**Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**	**7.590**	**0**	**0**	**0**	**7.590**	**5.603**	**0**	**0**	**0**	**5.603**	**73,8**	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đồn	700				700	0				0	0,0	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700				700	477				477	68,1	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	700				700	531				531	75,9	
3.4	Nhà làm việc công an xã Thạnh Phước	700				700	571				571	81,6	
3.5	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	2.000				2.000	100,0	
3.6	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	1.355				1.355	67,8	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790				790	669				669	84,7	
b	**Ngân sách cấp xã**	**1.000**				**1.000**	**0**					**0,0**	
II	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**	**70.000**	**0**	**0**	**0**	**70.000**	**61.238**	**0**	**0**	**0**	**61.238**	**87,5**	
1	**Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành**	**10.000**	**0**	**0**	**0**	**10.000**	**9.890**	**0**	**0**	**0**	**9.890**	**98,9**	
2	**Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đối ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh)**	**1.000**				**1.000**	**500**				**500**	**50,0**	
3	**Đối ứng xây dựng nông thôn mới**	**15.000**	**0**	**0**	**0**	**15.000**	**15.000**	**0**	**0**	**0**	**15.000**	**100,0**	
	Giao thông												
3.1	Láng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.2	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	320				320	320				320	100,0	
3.3	Láng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.4	Láng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/9/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	*2*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*24*
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	310				310	310				310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	230				230	230				230	100,0	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	900				900	900				900	100,0	
3.8	Láng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	380				380	380				380	100,0	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	295				295	295				295	100,0	
3.10	Láng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.11	Láng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	490				490	490				490	100,0	
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	170				170	170				170	100,0	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	330				330	330				330	100,0	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140				140	140				140	100,0	
3.15	Láng nhựa đường trục ấp đường cặp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	500				500	500				500	100,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	130				130	130				130	100,0	
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	110				110	110				110	100,0	
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	80				80	80				80	100,0	
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà trọ Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	340				340	340				340	100,0	
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	300				300	300				300	100,0	
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	630				630	630				630	100,0	
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thia) ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	290				290	290				290	100,0	
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	125				125	125				125	100,0	
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Rành)	145				145	145				145	100,0	
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	360				360	360				360	100,0	
3.31	Láng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	165				165	165				165	100,0	
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	290				290	290				290	100,0	
3.33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	240				240	240				240	100,0	
3.34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	250				250	250				250	100,0	
3.35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đối - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	260				260	260				260	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/9/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	*2*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*Cột ẩn*	*24*
3.36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	335				335	335				335	100,0	
3.37	Láng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	650				650	650				650	100,0	
3.38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	320				320	320				320	100,0	
3.39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đồn	410				410	410				410	100,0	
3.40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đồn	570				570	570				570	100,0	
3.41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	250				250	250				250	100,0	
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	410				410	410				410	100,0	
	Chiếu sáng - cây xanh												
3.43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	600				600	600				600	100,0	
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	640				640	640				640	100,0	
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cầm An-Láng Cát ấp Cầm An, xã Cầm Giang	215				215	215				215	100,0	
4	**Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác**	**44.000**	**0**	**0**	**0**	**44.000**	**35.848**	**0**	**0**	**0**	**35.848**	**81,5**	
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	28.000				28.000	26.427				26.427	94,4	
4.2	Sở chỉ huy thống nhất huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	4.000				4.000	2.612				2.612	65,3	
4.3	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000				6.000	2.147				2.147	35,8	
4.4	Nâng cấp và mở rộng cầu Thị, xã Hiệp Thạnh	5.000				5.000	3.662				3.662	73,2	
4.5	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000				1.000	1.000				1.000	100,0	
III	**Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất**	**5.000**	**0**	**0**	**0**	**5.000**	**4.188**	**0**	**0**	**0**	**4.188**	**83,8**	
1	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tự, xã Phước Trạch	5.000				5.000	4.188				4.188	83,8	
IV	**Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)**	**2.100**				**2.100**	**2.100**				**2.100**	**100,0**	

Gò Dầu, ngày 4 tháng 10 năm 2024

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH
H. GÒ DẦU - T. TÂY NINH

Nguyễn Văn Tuyển